

Chương XXVIII

TỔNG LUẬN CÔNG CUỘC KHAI GIÁO Ở HAI MIỀN TRUNG BẮC VIỆT NAM TỪ 1934 ĐẾN 1955

Với quyển Lịch Sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2 - Sự Truyền Bá Trung Bắc Việt Nam này, soạn giả đã dẫn chư tôn độc giả đi khắp các giai đoạn lịch sử đất nước Việt Nam, nơi khai sinh nền Chánh pháp từ đầu thập niên 1930 đến 1954, năm đánh dấu một khúc quanh lịch sử nước Việt cũng như tôn giáo Cao Đài^{28.1} từ các tỉnh miền Trung đến đất Bắc, qua các tỉnh miền biển cũng như miền núi, từ cánh đồng ruộng Phú Yên đến Cẩm Phả Mỏ Hòn Gay với hy vọng nối được nhịp cầu cứu thế bắt nguồn từ hải đảo Phú Quốc trong bí pháp vô vi màu nhiệm từ Đức Ngô mà sau đó được phổ biến rộng rãi cho mọi giới với hình thức phổ độ qua các vị tiền bối khai đạo tại Tây Ninh.

Chư vị hẳn đã thấy rõ từng cử chỉ của người tín hữu Cao Đài hy sinh cho đại cuộc Đạo Trời mà không hề đặt nặng vấn đề nơi các lãnh tụ dù các phong trào đã được khởi động từ mầm móng chi phái mà ra. Trớ trêu thay, khi một chức sắc nhận lãnh trách nhiệm truyền đạo tại một địa phận ở xa Hội Thánh và làm việc theo nguyện vọng và nhu cầu của đạo hữu tại địa phương thì các lãnh tụ không bằng lòng. Điều này là do các lãnh tụ chi phái chỉ muốn mọi thứ đều phải ở trong cái thế lãnh đạo độc tôn của mình, trong khi các chức sắc truyền đạo duy trì sự giao hảo với các phái khác mà không do lệnh của các lãnh tụ ấy.

28.1 Sau 1954 nền Chánh pháp từ lúc ban đầu tại miền Trung đã hoàn toàn bị sửa đổi theo nơn ý.

Đông Tân

Đối với cơ đạo miền Trung thì lãnh tụ các phái Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo như quý ông Lê kim Ty, Nguyễn thế Hiển, Đoàn văn Chiêu và nhất là ông Trần Đạo Quang đã cộng tác xây dựng cơ đạo như một sứ mạng thiêng liêng được giao phó nơi mình, rất mong cho được thành tựu mà không hề có chút tư ý đố kỵ. Trong khi đó thì một Hộ Pháp Phạm công Tắc đối với Giáo Sư Bảy, một Giáo Tông Nguyễn ngọc Tương với Phối Sư Thới thì có thái độ khác hẳn, hai nhân vật, hai chi phái, nhưng cũng đã cùng đi đến một hậu quả tương tự dù không ai bảo ai.

Tuy nhiên, công việc của Trời làm, dù có bị con người làm cho hư hoại đi rồi một sớm một chiều cũng sẽ phục hồi lại cái tư thế cố hữu bởi định luật tự nhiên đã cho thấy cái lý ẩn tàng trong câu "*Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong*". Đó là một chân lý nghìn đời cho dù con người có hiểu như thế nào và đến đâu cũng không thể làm cho ý nghĩa câu này mất đi được!

Qua những sự kiện trên đây, chư tôn đạo giả đã thấy rõ người tín hữu Cao Đài miền Trung cũng như miền Bắc đã đem cái đạo học thực thi cho mình và cho tín hữu chung quanh trong một lý tưởng thực tại sinh tồn và đi trước các phong trào chính trị... Một cơ sở nông nghiệp miền Trung đã đón nhận chư tín hữu tản cư ngày quốc loạn có khác gì tổ chức Đồng tác xã hạt gạo công quả ở miền Bắc đã cứu được nạn đói khủng khiếp năm 1945 cho toàn đạo lẫn một số đồng bào miền Bắc? Cái mối mề của công trình cứu thế đem đạo vào đời là ở chỗ đó, chứ không phải đi tìm cảnh Niết bàn, Thiên đàng mộng tưởng đâu đâu!

Lẽ cố nhiên, tôn giáo là phương tiện cứu rỗi sanh chúng và thực thi trực tiếp cụ thể tại mỗi địa phương sự cứu rỗi ấy trước khi ứng dụng ra ngoài quần chúng đó đây. Công lệ tự nhiên từ nghìn xưa là thế. Cụ thể là Do Thái giáo với lịch sử dân tộc Do Thái rồi mới đến dân tộc Trung Đông với Cơ Đốc và Hồi giáo, Phật giáo với dân tộc Ấn Độ và Nho giáo với dân tộc Trung Hoa trước khi được ứng dụng cho các dân tộc khác, xét cho cùng lịch sử các tôn giáo nằm trong lịch sử các dân tộc liên hệ là điều không thể chối cãi. Cho nên, với quyền lịch sử thứ ba này kết thúc một công trình cứu độ dọc theo bờ lẽ lịch sử của dân tộc Việt Nam, trải qua những thế lực ngoại bang xâm lược từ Pháp, Nhật, Hoa Kỳ rồi đến Nga xô, Trung cộng đã là những cuồng si nhân thế, vì quyền lợi nhứt thời và mộng bá chủ đã xem các nước nhược tiểu trong đó có Việt Nam như con cờ thí trong một canh bạc.

Cho nên, bài thuốc chữa trị căn bệnh loài người vào thời mạt kiếp này phải nói là diệu dược Cao Đài giáo phát xuất từ Việt Nam, làm mẫu mực để xây dựng lại thế giới đang thời ngửa nghiêng cuồng loạn của vật chất nhứt thời.

Từ đó nhân loại sẽ tự giác nhận ra được cái tiềm năng sáng tạo của một nền văn minh tinh thần, có khả năng hướng dẫn nhân loại qua khỏi ngõ tối của thời đại, như câu Thánh ngôn đã có từ thập niên 1940 tiên tri:

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

*"Lo lường thấu đáo đạo huyền vi
Từ thuở năm xưa chẳng dám bì
Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc
Ngày sau làm chủ mới là kỳ!"*

Đến đây, soạn giả không còn thắc mắc với công việc của mình như đã đề cập ở phần đầu cuốn sách bởi quyền sử thứ ba này không nói lên việc làm của chỉ phái mà của một đại cuộc Đạo Trời đang được người tín đồ trong mọi bố hóa tạo dựng nên. Đó là một giai đoạn tổ hợp sau thời kỳ phân tán theo định luật tiến hóa của Vũ trụ. Đó cũng là một lý tưởng thống nhất nền đạo mà Đức Cao Đài đã cho biết từ những ngày đầu khai đạo tại nhà ông Hồ quang Châu khi dạy về việc truyền đạo Trung Bắc Việt Nam:

*"Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà..."*

Tuy nhiên, soạn giả không dám xem đây là tất cả những gì Đức Cao Đài đã làm và muốn cho tín đồ làm theo trong công cuộc cứu thế kỳ ba bởi trong Thiên ý có pha lẫn nhân tâm khó bề phân biệt cho chánh chơn nền Tân giáo. Và chẳng, đi tìm một mối đạo mà chỉ như đi tham quan một thắng cảnh thì thật là sự thiếu sót không thể chấp nhận được.

Bởi thế, trong thời gian đầu thập niên 1970, khi tiếp xúc với các nhà nghiên cứu Anh - Mỹ tại Sài Gòn, trong dịp hướng dẫn theo yêu cầu của Giáo sư Tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc Viện Đại học Luân Đôn đến viếng Tòa Thánh Tây Ninh, sau khi ông này được sự tiếp đón niềm nở của các chức sắc cao cấp như quý ông Bảo Thế Lê thiện Phước, Cải Trạng Nguyễn văn Hợi, Chánh Phối Sư Ngọc Nhuận Thanh tại các cơ sở Hiệp Thiên Đài cũng như Cửu Trùng Đài, trên đường về, trong chiếc xe nhà của Ủy viên tài chánh Hội Văn Hóa Cao Đài Nguyễn thể Hòa, tôi đã hỏi ông: *"Ông có cảm tưởng gì sau khi viếng Tòa Thánh Tây Ninh?"* Ông trả lời ngay: *"Tôi không thể nào nhìn thấy ngôi đền đài nguy nga với những cơ quan đồ sộ mà nói được sự hiểu biết về một tôn giáo. Tôi phải tìm hiểu sự tu học và sự bố hóa nơi người tín hữu để biết phần tâm đắc của họ mới nói được!"*

Với danh nghĩa Chủ tịch Hội Văn Hóa Cao Đài, soạn giả đã hướng dẫn phái đoàn các giáo sư ngoại quốc, trong sứ mạng tìm hiểu nền văn hóa Cao Đài, đến viếng hầu hết các cơ sở giáo phái trong đạo cả phần Vô Vi (Đàn Long Hoa Sài Gòn) và Phổ Độ (Hội Thánh Tây Ninh, Hội Thánh Bến Tre, Hội Thánh Trung Việt), cả tận nguồn đạo ở Dương Đông Phú Quốc,... Sau đó, để kết thúc 8 tháng nghiên cứu năm 1970, ông Jeremy có nhã ý nhờ hội Văn Hóa tổ chức một buổi trần thuyết tại trụ sở hội để ông trình bày cảm nghĩ của ông sau thời gian tìm hiểu tại đây. Buổi trần thuyết có sự hiện diện của các Hội Thánh các chi phái và cả đàn Vô Vi, cùng lúc có Mục sư Victor Oliver cũng trong sứ mạng như ông

Đồng Tân

Jeremy, ông Jeremy đã trình bày cặn kẽ sự tìm hiểu của ông với những trở ngại không thắng đoạt được: *"Suốt tám tháng được giáo sư Đồng Tân hướng dẫn đi hầu hết các chi phái Cao Đài để tìm hiểu về mỗi đạo, tôi đã gặp một số trở ngại chính như: tinh thần chi phái có nhiều khác biệt không tạo nên sự đồng nhất trong đạo, lại kinh điển còn quá nghèo nàn khó hiểu, không có một sách triết học nào trong đạo... Cho nên, có thể nói cho đến nay, tôi vẫn chưa hiểu đạo Cao Đài ra làm sao cả!"*

Soạn giả lúc ấy cũng là thông ngôn cho buổi thuyết trình bằng tiếng Pháp, sau khi chờ đợi các cố vấn các Hội Thánh cố giải đáp mà không được, nên đành phải phát biểu đại lược như sau: *"Thật là một vinh hạnh cho hội Văn Hóa Cao Đài chúng tôi với sự hiện diện của chức sắc đại diện các Hội Thánh có mặt nơi đây, để tiếp đón nhậm vị thúc giả giáo sư thuộc hai viện Đại học Luân Đôn và Nữu Ước cùng lúc tại hội trường nhỏ bé này, tôi xin chân thành cảm tạ sự chiêu cố lân mẫn của quý vị trong công trình đạo sự của hội Văn Hóa chúng tôi. Giáo sư Jeremy đã phát biểu trung thực lòng mình trong câu vừa rồi, bởi đó là phản ánh của sự thật... với tôi đó là một lẽ tất nhiên của giới hạn con người trong tầm nhận định về Vũ trụ mà bất cứ một nhà nghiên cứu nào cũng gặp phải bởi Tôn giáo là một biểu hiện thước đo chiều sâu của Vũ trụ, mà chiều sâu của Vũ trụ hay còn gọi là Đạo thì vô cùng nên không thể đứng ngoài nhìn vào mà phải dần thân vào chiều sâu ấy mới hy vọng nhìn thấy nó như thế nào. Cho nên, tôi đề nghị hai ông bạn có mặt nơi đây: Ông Jeremy thì nên nhập vào tu Vô Vi, còn ông Victor thì nên nhập môn phần Phổ Độ. Rồi hai vị rán tu học thiệt thụ trong thời gian một, hai, ba bốn hay nhiều năm cho đến khi hai ông thấy rõ được thế nào là Cao Đài giáo theo nguyện vọng và nhận định của mình, chứ mới tìm hiểu trong tám tháng với tư cách kẻ bàng quan thì làm sao thấu triệt được!"* Cả hai ông khách ngoại quốc và cả cử tọa cùng cười rộ lên. Phải chăng đó là nụ cười tìm ra chân lý vậy?

Một điều then chốt mà cũng là động lực thúc đẩy soạn giả thành hình sách này là để nói lên tất cả những éo le thử thách của nhân tâm thế đạo suốt trong một khúc quanh náo nức của lịch sử dân tộc Việt Nam, cũng là giai đoạn đau thương nhất của người tín hữu Cao Đài khắp Nam Trung Bắc.

Cho nên, một quang cảnh thăm sát tại Quảng Ngãi ngày biến động tháng 8 năm 1945 chẳng những cho thấy tai họa đã man dã đến với non 6000 tín hữu Cao Đài đủ loại thành phần xã hội, cũng đủ các màu sắc chi phái Tây Ninh, Bến Tre, Cầu Kho, Tiên Thiên, Trung Việt đều chung chịu ách nước nạn dân, chỉ tại sự ngu muội của bè đảng tay sai *"Liên số hùng cường, Trung quốc vĩ đại"*, mà dấu tích tàn sát của họ còn để lại trên khắp ba miền đất nước Bắc Trung cũng như Nam, không phân biệt lương hay giáo! Đồng thời vụ tố khổ gia đình cụ Phan thiện Trì, ông Mai Diệu, vụ xử tử ông Cao hữu Chí ở Quảng Nam hay vụ bắt bớ tra tấn các ông Phạm tài Đoan, Phạm văn Ký ở Hưng Yên..., đó là hình ảnh của

những thảm trạng xã hội mà người dân Việt phải gánh chịu trước nạn xâm lăng của đế quốc đỏ.

Như vậy thì quyển lịch sử thứ ba này đã trình bày cả một thảm cảnh nhân loại vào cái thế kỷ văn minh nhưng sa đọa này. Nó kể tục phần biện giải cho thuyết minh về điều kiện không gian và thời gian ngày khai sinh mới đạo đã được nói tới ở hai quyển trước nhưng dẫn chứng cụ thể hơn. Và những gì đã đến cho dân tộc Việt Nam vào thế kỷ XX cũng là những gì đã đến cho khối nhân loại trên toàn thế giới không thiếu sót một thảm cảnh nào: nghèo đói, bị chà đạp, bị bóc lột, bị khinh khi với đủ thứ cường quyền áp bức tư bản, vô sản cùng nhịp độ bóc lột thao túng không khác nhau bao nhiêu, chỉ khác một đảng dựa vào tư bản cá nhân, một đảng dựa vào tư bản nhà nước mệnh danh là vô sản chuyên chính mà thôi!

Nhưng thoát được những thảm họa này, người dân Việt Nam đã tự mình làm cái công việc xây dựng lại cuộc đời cùng lúc với các dân tộc trên thế giới, một khi con người giác ngộ được chân tướng của mình trong mức sáng tạo về mọi mặt: tôn giáo, triết học, chính trị, văn học, kinh tế, nói chung là một cuộc Cách mạng văn hóa toàn diện mà giáo lý Cao Đài đã nêu ra và người tín hữu Cao Đài đang nỗ lực xây dựng nó.

Tuy nhiên, trước tình trạng chung của cơ đạo khắp nơi đây tâm tối, người tín đồ Cao Đài tự hỏi phải làm sao đây cho Chánh pháp Cao Đài được sáng tỏ? Những người đi trước đã làm xong công nghiệp của họ với ý chí bất khuất kiêu hùng đã có - dù có bày chuyện độc tài tự mãn cá nhân kéo theo mớ tệ đoan chi phái phạm giáo thì một sớm một chiều cũng phải tàn lụi bởi luật Thiên điều - thì các bạn hậu tấn phải làm sao đây? Một nguyện lực lớn lao đã uơm mầm từ cái quá trình tốt đẹp về vang của các bậc tiền bối đầy lòng hy sinh quả cảm đã không bao giờ đầu hàng trước mũi đạn làn dao, cũng như đã không chịu cúi đầu cả trên phiên tòa cũng như nơi pháp trường, đấu tố! Đó là những tấm gương muôn đời cho các thế hệ sau không bao giờ phai nhạt! Đã đến lúc các bạn thanh niên hậu tấn thức tỉnh chưa? Còn chờ gì mà không tìm tòi về nguồn gốc nhà đạo lúc ban đầu?

Quyển Lịch sử thứ ba này đã là một hội tụ những kết tinh hy sinh nhẫn nhục mà người tín hữu Cao Đài đã phải chịu kể như là một vật hy sinh cho các chế độ mà con người đã chà đạp, đã cấu xé con người, thừa tự những thủ đoạn mãnh khỏe mà con người đã trở thành con vật biến cuộc sống của đồng loại như những con mồi trước đàn mãnh hổ. Ôi! Còn kinh tởm nào bằng! Nhưng đó lại là những thử thách mà người tín hữu Cao Đài được xem như là những người đi tiên phong trên con đường cứu độ cả một nhân loại đang bị tà quyền nhiễu loạn làm si mê hôn ám đi, nên trên đoạn đường phải trải qua dù gian nguy khổ cực bao nhiêu cũng chỉ là những bài học kinh nghiệm để nung chí, để kiên tâm, bởi tất cả

đều do Thượng Đế, và những cơ khảo đảo kia cũng đã do Ngài bày biện để nung lòng người chiến sĩ đang cố tâm cải thiện lại cuộc đời!

Soạn giả rất sung sướng ghi lại đây tất cả dòng lịch sử cao cả mà trầm hùng để cho các thế hệ mai sau cảm nhận được những công lao từ thử, nhần nhục trên bước hành trình đạo tiến cam go sâu ải, và biết được những gì mình có hôm nay đã được ươm mầm từ những năm 1934 đến 1950, một thời kỳ làm sống động Chánh pháp Cao Đài vốn đã thành hình qua giai đoạn 1924 -1926, với những năm đầu khai sơn phá thạch mà các chi phái miền Nam từ phần Vô Vi đến phần Phổ Độ đã dày công gầy dựng vậy!

Một tín hữu Cao Đài còn được tự do tôn thờ nền Chánh pháp của mình, hôm nay phải có bốn phận ghi lại công ơn của tất cả những người tín đồ tiền bối, và không cần quan tâm đến phần làm lạc của họ, miễn sao sự làm lạc đó không ảnh hưởng cho đại cuộc Đạo Trời. Nói cách khác, một tín đồ Cao Đài hôm nay là một công nợ của những người Cao Đài đã đi trước, nên luôn luôn có bốn phận phải nối noi công nghiệp của người xưa, nếu công nghiệp ấy đáng là công nghiệp miên viễn có tác dụng chung cho nền Chánh pháp trong chương trình cứu thế kỳ ba mà Đức Cao Đài đã truyền dạy từ trước năm 1927!

Một sự kiện khiến soạn giả suy nghĩ đến tiền đồ Đại Đạo là sự bố hóa tinh thần vô tư vì đại cuộc Đạo Trời mà không cần biết đến chi phái hiện nay nơi tín hữu, tức là họ không cần biết đến lãnh tụ tư phương của mình mà chỉ biết Đấng Cao Đài là Giáo chủ mỗi đạo kỳ ba mà họ đang tu học. Bằng chứng là vào tháng 11 năm 1994, khi soạn giả đang tạm trú ở Thánh Thất Cao Đài số 48 Hòa Mã - Hà Nội thì các lãnh đạo tại đây vì bận đạo sự đã nhờ một bạn thanh niên - bạn Lê Văn Mai - hướng dẫn đi thăm một số ít các nơi còn giữ được sự thờ phụng và tu học theo Cao Đài giáo.^{28.2} Khi trở về, trong bữa cơm khoản đãi tại nhà, chị Hòa^{28.3} sau khi nghe đề cập đến phái này phái nọ thì chị bảo: “*Tại sao chúng ta tu trước sau cũng đã là một đạo do Đức Cao Đài tạo ra, mà chỉ đề cập đến khi thì ông Phạm công Tắc khi thì ông Nguyễn ngọc Tương, cũng có nghĩa khi là Tây Ninh khi là Bến Tre làm gì vậy?*” Soạn giả nghe mà tự nhiên trong lòng phấn khởi, không ngờ một nữ tín đồ chưa hề dự khóa huấn luyện giáo lý nào do hoàn cảnh bi đát tại đây từ bấy lâu nay mà đã cảm nhiễm nhiều về lẽ đạo một cách uyên thâm như vậy dù chị chỉ là một công chức thường. Cho nên, miền Bắc đã có người tín đồ nói được câu đó thì miền Trung, miền Nam há lại không biết giữ dạ vô tư thờ Thầy mến Đạo như vậy sao?

Cũng cần nói thêm rằng tuy những gì trình bày cặn kẽ trong tác phẩm này phần lớn tập trung vào thời kỳ khoảng 20 năm đầu của cơ đạo miền Trung, và những cơn đại khảo để thấy được một chi phái cuối cùng của nhà đạo cũng phải

28.2 Vì các Thánh Thất đều đã bị nhà nước cộng sản triệt hạ từ 1954.

28.3 Vợ anh Mai, vốn là người theo đạo của chồng, cha anh Mai là □Sanh thuộc phái Tây Ninh.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

chịu thử thách nặng nề như các chi phái đàn anh ở miền Nam. Trong khi những sự thật đều bị quên lãng theo thời gian hay cố tình không nhắc đến, thì hậu quả của cơn khảo thí vẫn còn đó vẫn còn đó qua các hình thức sau:

1 - Sự canh cải chơn truyền của nền đạo vì đã phỏng theo mô hình của TTTN.

2 - Sự chiếu cố tận tình của cộng sản vô thần từ trước đến giờ đã làm cho cơ đạo miền Trung nói riêng cũng như Cao Đài giáo và các tôn giáo khác nói chung tại quốc nội trở thành trò hề của chế độ qua sự điều động của cái gọi là “Ủy Ban Tôn Giáo”.

3 - Một pháp môn tu luyện mà cho đến bây giờ vẫn còn được cho là chánh pháp miền Trung, đã xuất phát từ một nhóm chức sắc mà cầm đầu là ông Liên Hoa, mà cho đến nay đã có biết bao thế hệ thanh niên vẫn xem pháp môn này là một giải thoát.

Qua 3 hình thức trên, theo soạn giả, nhà đạo Trung Kỳ vẫn còn chìm đắm trong những cơn đại khảo, đã manh nha từ đầu thập niên 50 và chỉ thực sự bắt đầu vào giữa thập niên, kéo mãi cho đến bây giờ, năm 2010 này mà chẳng biết khi nào sẽ kết thúc.

Quan niệm người tín đồ Cao Đài là động cơ cho một đại cuộc nhân loại, sửa đổi lại cuộc đời, vệt màn hắc ám đang bao phủ nhân tâm thế đạo, không phải với tư thế một lãnh tụ độc tôn thường có nơi các trò đảng phái chính trị hay các giáo phẩm tự thần thánh hóa, mà chính trong tinh thần đồng lao cộng khổ, tìm một cõi sống thích nghi cho thiên hạ cùng mình, khi nào cái tệ nạn người bóc lột người, người phỉnh gạt người, người chà đạp người, người nô lệ người không còn nữa, chính là lúc nền Chánh pháp Cao Đài được thị hiện khi mới bắt đầu ngày hôm nay, qua thời gian còn ghi lại trong sách này!

Mong rằng chư tôn độc giả, sau khi xem hết quyển Lịch sử thứ ba này sẽ có một cảm giác nhẹ nhàng bởi những hy sinh mà người tín hữu Cao Đài đã bất chấp cực hình có thể đến với mình, trong một chế độ tích lũy đủ những tệ đoan của các thời xưa qua mọi chế độ phong kiến, quân chủ, đế quốc, thực dân mà trên lý thuyết vẫn gọi là đại đồng nhân loại, giữa một khung cảnh như thế để cố để lại cho thế hệ sau những trang sử bi hùng mà những tôn giáo trên thế giới có thể đã trải qua nhưng không thể nào hơn được!

Tuy nhiên, ba quyển lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này chưa hề nói lên được các điểm chính yếu trong Chánh pháp Cao Đài, bởi đây chỉ là những sự kiện mà người Cao Đài đã có thể làm được trong hoàn cảnh quốc gia thổ địa vô cùng đen tối, từ lệ thuộc đến chiến tranh, bóc lột rồi xâu xé, tất cả những trở ngại lớn lao ấy vẫn không làm cản trở bước tiến của người tín hữu Cao Đài trên bước đường đi vào Tòa nhà Đại đồng nhân loại!

Đông Tân

Bởi thế, luôn luôn dưới sự hướng dẫn của Vô hình, người tín hữu Cao Đài không hề giậm chân tại chỗ rên la hoặc gào thét mà luôn luôn ngẩng mặt lên cao, chỉ nhìn thẳng phía trước để đi vào cuộc sống nhân sinh, tìm ra những giải pháp để cải thiện cho cá nhân mình cũng như cho đồng bào và đồng loại. Những hành tàng ấy tùy lúc, tùy hoàn cảnh mà âm ỉ hay bộc phát để kịp thời đón nhận những khả ngộ sẽ đến từ khắp nơi trên thế giới, để giải tỏa những trở ngại mà một trào lưu tinh thần sẽ trở dậy phá tan màn hắc ám đang giăng bủa hôm nay bởi sức người đã làm tưởng có Trời, nhưng thật sự Trời chỉ đến khi sức người hoàn toàn trong cái thế vô tư thuần khiết. Muốn được thế phải có những con người biết hy sinh vong kỷ mà không hề bị một ma lực nào quyến rũ, bởi tất cả những gì Đức Cao Đài muốn giáo hóa nhân loại đã có sẵn trong 12 năm đầu khai Đại Đạo, và cơ hội đón nhận nền Chánh pháp Cao Đài trong tương lai trên thế giới sẽ đến đồng thời với những quốc gia có được một tư thế tâm linh thuần khiết đó.

Một nền giáo lý mới, một nền triết học mới sẽ khai triển rộng rãi nền Chánh pháp Cao Đài mà nhân loại đang cần đến trước cơn nước sôi lửa bỏng của thời văn minh cuồng loạn này sẽ chứng minh những điều soạn giả trình bày trên đây để chư tôn độc giả nhận định cơ sự tới đâu. Trước khi đặt dấu chấm cuối cùng, soạn giả xin chia sẻ đến với bạn đọc nỗi vui mừng vô hạn vì dù trong hoàn cảnh quá khắt khe dưới chế độ vô thần ác độc, giữa một cuộc sống bấp bênh chật vật không có ngày mai mà soạn giả đã viết nốt được những dòng này, thật kể cũng là một kỳ công hy hữu!

"Con xin muôn vàn cảm tạ Ân Đức Thiêng Liêng đã dành cho con trong thời gian soạn thảo sách này, những hồi con quên Thầy nhắc, những lần con suy tính Thầy giải quyết cho! Con phải sắp mình trước Ân Lành Cao Cả, và cầu mong cho tác phẩm này sẽ được an toàn đến mai hậu!"

Cúi xin Thầy Mẹ phù hộ cho con!"

Bản thảo ở Sài Gòn ngày Tịch Đạo năm Đại Đạo 58, Quý Hợi (29/9/1983).

Đánh máy, tu chỉnh lại năm Đại Đạo 62, Đinh Mão (24/3/1987).

Bổ sung tài liệu Bắc Việt năm Đại Đạo 63, Mậu Thìn (10/1/1988).

Điều chỉnh tại Melbourne, năm Đại Đạo 77, Nhâm Ngọ (18/8/2002).